

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 26/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ (Nghị quyết số 138/NQ-CP) và Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Hải Phòng.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số .../STC-QLNS ngày .../.../2026, Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../.../2026 của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

- Tại khoản 3 Điều 8 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 về chính sách hỗ trợ tạo việc làm quy định:

“3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương và nhu cầu giải quyết việc làm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bố trí vốn từ ngân sách

địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay giải quyết việc làm.”

- Tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024 về đối tượng đầu tư công quy định:

“Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chính phủ quy định điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”

- Tại điểm 3.2 khoản 3 mục III Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân chỉ đạo:

“3.2. Đẩy mạnh và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng cho kinh tế tư nhân. Có chính sách ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng. Khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng cho vay dựa trên cơ sở thẩm định phương thức sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường đầu ra, cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị, xem xét các tài sản bảo đảm bao gồm cả động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai và hình thức cho vay tín chấp...”

- Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định:

“Trên cơ sở báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.”

- Khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định:

“Điều 5. Mức vay

1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 200 triệu đồng.

3. Trường hợp điều kiện kinh tế- xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cho vay tối đa cao hơn mức vay quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội.”

- Điều 7 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định:

“Điều 7. Lãi suất vay vốn

1. Đối với đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15, lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Đối với đối tượng vay vốn quy định tại khoản 3, khoản 8 Điều 9 Luật số 74/2025/QH15, lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”

- Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định:

“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.”

- Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, tại mục 3.2 *"Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân"* đã giao nhiệm vụ: *"Xây dựng cơ chế bổ sung nguồn vốn ủy thác từ ngân sách thành phố thông qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội*

thành phố Hải Phòng để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, ưu tiên chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, hải đảo và các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo động lực xã hội... vay vốn với lãi suất ưu đãi và hạn mức cho vay phù hợp (phân biệt phạm vi, đối tượng, điều kiện cho vay tại Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa) ”.

Để cụ thể hóa các quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện tại địa phương, cần ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức cho vay và lãi suất cho vay giải quyết việc làm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác xã, hộ kinh doanh và người lao động từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của địa phương.

2. Cơ sở thực tiễn

Kinh tế tư nhân ngày càng thể hiện rõ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố, theo số liệu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng hiện thành phố có trên 30.000 doanh nghiệp đang hoạt động, bình quân hàng năm có tới 10% doanh nghiệp mới được thành lập, riêng năm 2025 có trên 4.800 doanh nghiệp được thành lập mới, nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm gần 98%. Tốc độ tăng lao động bình quân giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố đạt 4,4%. Kinh tế tư nhân là khu vực có đóng góp lớn nhất vào ngân sách thành phố và đóng góp rất quan trọng trong quá trình tạo việc làm, cải thiện thu nhập, tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, nhất là khu vực nông thôn, đây là lực lượng chủ yếu khai thác, huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân để phục vụ phát triển kinh tế, với quy mô nhỏ, cơ chế quản lý linh hoạt, doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng thích ứng với những thay đổi thị trường để thử nghiệm các ý tưởng mới và không ngừng sáng tạo, là mắt xích quan trọng trong việc cung cấp nguyên vật liệu, dịch vụ hậu cần, gia công sản phẩm, khai thác lợi thế địa phương nông, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, xây dựng, công nghiệp, làng nghề truyền thống... giúp phân bổ nguồn lực, tạo động lực phát triển cho khu vực nông thôn và thành thị.

Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và thị trường trong nước nói riêng có nhiều biến động, bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, giá xăng dầu tăng cao, chi phí sinh hoạt, giá cả vật tư, nguyên liệu và chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng gia tăng khiến tỉ trọng

doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất còn thấp. Biến động giá cả thị trường tăng lên hằng năm (chỉ số giá tiêu dùng đều tăng qua các năm: 5 tháng đầu năm 2026 tăng 3,61% so với tháng 12/2025, năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024; năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023). Điều này khiến người lao động gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn để thực sự tạo ra việc làm ổn định hoặc mở rộng quy mô kinh doanh. Đối tượng người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân thường hạn chế tích lũy về vốn, kiến thức, công nghệ và kinh nghiệm; quy mô doanh nghiệp nhỏ, số vốn hoạt động ít, khả năng huy động vốn rất hạn chế; còn nhiều công đoạn sản xuất bằng thủ công, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý thấp, chưa chuyên nghiệp, hoạt động manh mún, nhà xưởng, chuồng trại chăn nuôi, đầm vùng nuôi trồng... chật hẹp, hư hỏng, xuống cấp không đảm bảo tiêu chuẩn kinh doanh sản xuất, năng suất lao động, lợi nhuận sản phẩm và sức cạnh tranh thấp không đủ năng lực. Bên cạnh đó khả năng tiếp cận với các nguồn vốn vay của các Ngân hàng thương mại với lãi suất cao và thời hạn cho vay, quy trình thủ tục vay vốn đòi hỏi khắt khe khó tiếp cận, yêu cầu tài sản đảm bảo khiến người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân rất cần nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ.

Theo khảo sát thị trường, mức cho vay tối đa 200 triệu đồng/người lao động hiện nay chỉ đáp ứng khoảng 25 - 50% nhu cầu vốn thực tế của đa số mô hình sản xuất kinh doanh. Mức vay tối đa 200 triệu đồng đối với một lao động chưa đủ để đáp ứng nhu cầu vốn thực tế cho nhiều ngành nghề, đặc biệt là những lĩnh vực đòi hỏi đầu tư lớn về máy móc, thiết bị công nghệ hoặc nguồn nguyên liệu chất lượng cao, ví dụ một máy gặt lúa hiện nay có giá dao động từ 150 triệu đồng đến 600 triệu đồng, một máy phun thuốc trừ sâu có giá từ 200 triệu đồng đến 01 tỷ đồng. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, ngoài chi phí đầu tư cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị còn chi phí xây dựng, cải tạo nhà xưởng, chi phí nguyên vật liệu, dự trữ bảo quản hàng hóa, chi phí nhân công, vận hành và quản lý khác. Nếu nâng mức cho vay lên 300 triệu đồng/người lao động, tỷ lệ đáp ứng nhu cầu vốn dự kiến đạt khoảng 40 - 75% đối với các phương án tạo việc làm quy mô nhỏ và vừa. Mức cho vay này tuy không đáp ứng toàn bộ nhu cầu vốn đầu tư song sẽ tạo điều kiện để người lao động huy động thêm vốn tự có và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm triển khai phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, tạo việc làm bền vững.

Chi nhánh NHCSXH thành phố đã thực hiện khảo sát nhu cầu về mức vay đối với người lao động trên 696 đối tượng tại 114 xã, phường, đặc khu. Phiếu khảo sát đưa ra các đề xuất mức cho vay tối đa từ 100 đến 400 triệu đồng để người

lao động lựa chọn. Kết quả khảo sát như sau: mức vay 200 triệu đồng/người lao động: 15/696 phiếu (chiếm 2,16%); mức vay 250 triệu đồng/người lao động: 3/696 phiếu (chiếm 0,43%); mức vay 300 triệu đồng/người lao động: 673/696 phiếu (chiếm 96,7%); mức vay 400 triệu đồng/người lao động: 5/696 phiếu (chiếm 0,72%).

Chính sách tín dụng thông qua NHCSXH là công cụ quan trọng thúc đẩy an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030. Trong bối cảnh lãi suất thương mại còn cao, khu vực yếu thế khó tiếp cận tín dụng chính thức, chính sách tín dụng ưu đãi của NHCSXH là công cụ then chốt giúp người dân thoát nghèo, tạo việc làm, phát triển sinh kế bền vững.

Do đó, với tinh thần Thành phố kiến tạo, lắng nghe và đồng hành cùng doanh nghiệp, việc xem xét điều chỉnh cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác xã, hộ kinh doanh và người lao động từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định tại Nghị định 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ là có cơ sở pháp lý và thực tiễn nhằm hỗ trợ, tạo động lực cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của thành phố.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích

- Việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác xã, hộ kinh doanh và người lao động từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố căn cứ theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Hải Phòng; kịp thời hỗ trợ cho kinh tế tư nhân từng bước tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh có thêm nguồn vốn ưu đãi về lãi suất, ưu

đãi về quy trình thủ tục vay vốn phù hợp với khả năng, năng lực giúp doanh nghiệp mạnh dạn vay vốn đầu tư, cải tạo nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tạo việc làm, tạo năng suất lao động và lợi nhuận sản phẩm cao hơn.

- Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố không chỉ cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương mà còn thể hiện quan tâm tạo các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo động lực phát triển cho khu vực kinh tế tư nhân; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030 của thành phố, trong đó tập trung vào các mục tiêu: giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, phát triển nông thôn mới nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân, cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ theo Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Tuân thủ nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định của Luật Việc làm, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan; không chồng chéo với các cơ chế hỗ trợ tài chính khác trên địa bàn. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm minh bạch và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Nội dung của Nghị quyết căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội thực tế tại địa phương, tài liệu và số liệu các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách, gắn kết chặt chẽ với các chỉ tiêu phát triển việc làm, phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố.

III. Quá trình xây dựng Nghị quyết

1. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 3985/VP-TC ngày 13/4/2026 về việc đề xuất về cơ chế, chính sách mức cho vay đối với người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW trong đó giao Sở Tài chính chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Sở Tài chính đã có Văn bản số 4705/STC-QLNS ngày 26/5/2026 gửi Sở Tư pháp xin ý kiến về dự thảo Tờ trình đăng ký xây dựng Nghị quyết.

Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến tại các Văn bản số: 2503/STP-XDVB ngày 02/6/2026 và 2867/STP-XDVB ngày 19/6/2026 trong đó xác định việc Sở Tài chính đăng ký xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm đối với người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố là có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính có Văn bản số 5440/STC-QLNS ngày 12/6/2026 báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Ngày 13/8/2026, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Tờ trình số 205/TTr-UBND trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội;

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 58/QĐ-TTHĐND ngày 26/8/2026 chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội

5. Ngày 03/9/2026, Giám đốc Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 477/QĐ-STC thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

6. Sở Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết (Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, bản so sánh thuyết minh...) gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố và có Văn bản xin ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xin ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.

Trên cơ sở ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương, ý kiến trên Cổng thông tin điện tử thành phố, Sở Tài chính sẽ tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý và lập bản tổng hợp và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

7. Ngày/....../2026, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số/BC-STP, trong đó xác định hồ sơ dự thảo Nghị quyết do Sở Tài chính chủ trì soạn thảo đủ điều kiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Tài chính chủ động rà soát, hoàn thiện trực tiếp dự thảo Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Nghị quyết.

Như vậy, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

IV. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết điều chỉnh về cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Nghị quyết không điều chỉnh các khoản vốn tín dụng chính sách được cấp từ ngân sách Trung ương hoặc các nguồn vốn ủy thác khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác thông qua NHCSXH để cho vay đối với người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn giải quyết việc làm.

Đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động

vay vốn tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo chính sách cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

V. Bộ cục và nội dung chính của Nghị quyết

1. Bộ cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 2: Hiệu lực thi hành.

Điều 3: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung chính của Nghị quyết

2.1. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, cụ thể như sau:

2.1.1. Điểm a khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm

1. Mức cho vay

a) Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh) và người lao động.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

Đối với người lao động, mức vay tối đa là 300 triệu đồng.

Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.”

2.1.2. Khoản 3 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“3. Lãi suất vay vốn

a) Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, người lao động là người khuyết tật, người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi vay vốn.”

2.2. Về hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .../.../2026 (đảm bảo theo quy định có hiệu lực 10 ngày sau khi ban hành).

VI. Dự kiến nguồn lực thực hiện và dự kiến hiệu quả tác động của Nghị quyết

1. Nguồn lực thực hiện

1.1. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị quyết, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

1.2. Về kinh phí

Nguồn lực thực hiện Nghị quyết được bố trí từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Căn cứ vào nhu cầu vốn thực tế và khả năng cân đối ngân sách để quyết định mức vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH thành phố Hải Phòng. Dự kiến nhu cầu vốn phát sinh để thực hiện chính sách đề xuất tăng so với chính sách quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố trong cả

giai đoạn 2026 – 2030 là 1.343.649 triệu đồng, bình quân 01 năm chênh lệch tăng 268.730 triệu đồng.

Khuyến khích ngân sách xã, phường, đặc khu chủ động cân đối, bố trí vốn ủy thác bổ sung cho NHCSXH trên địa bàn để thực hiện các chương trình đặc thù của địa phương.

2. Dự kiến hiệu quả tác động của Nghị quyết

2.1. Hiệu quả kinh tế – xã hội

- Tăng khả năng tiếp cận vốn chính thức của các đối tượng yếu thế, hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và người lao động có nhu cầu tạo việc làm.

- Dự kiến trong giai đoạn 2026 – 2030, nguồn vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH sẽ tạo điều kiện cho nhiều người lao động và cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phù hợp cho sản xuất kinh doanh, phát triển việc làm trong khu vực kinh tế tư nhân và thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển.

2.2. Hiệu quả về tạo việc làm trong khu vực kinh tế tư nhân và thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

Hỗ trợ người lao động và các cơ sở sản xuất kinh doanh khu vực kinh tế tư nhân có thêm nguồn vốn ưu đãi về lãi suất, ưu đãi về quy trình thủ tục vay vốn phù hợp với khả năng, năng lực giúp đối tượng mạnh dạn vay vốn đầu tư, cải tạo nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và lợi nhuận sản phẩm; là điểm tựa giúp cho các ý tưởng, sáng tạo, ý thức tự chủ bản thân vươn lên mạnh dạn vay vốn đầu tư hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp mới, góp phần thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Hải Phòng.

2.3. Hiệu quả sử dụng vốn ngân sách

Tăng tính chủ động, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; giảm gánh nặng chi thường xuyên hỗ trợ trực tiếp; thay thế bằng cơ chế tín dụng quay vòng, bền vững.

2.4. Hiệu quả dài hạn

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn – đô thị, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) của thành phố Hải Phòng.

- Khẳng định vai trò chủ động của chính quyền địa phương trong bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm và hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

VII. Thời gian trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp chuyên đề gần nhất của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế, chính sách bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các Ban HĐND TP;
- VP ĐBQH&HĐND TP;
- Các Sở: TC, TP;
- CVP, các PVP UBNDTP;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đỗ Thành Trung